

Số: 372/QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 15 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên đại học chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên đại học chính quy.

Điều 2. Quy định này được áp dụng cho các khóa.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng Khoa, Phòng, Ban và các đơn vị trực thuộc trường căn cứ quyết định thi hành./. *Dương*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu VT, Latuan.

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thái Công

QUY ĐỊNH

Chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên đại học chính quy
(Ban hành kèm theo Quyết định số 372/QĐ-ĐHKTCN ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định tổ chức kiểm tra đánh giá, phân loại trình độ ngoại ngữ đầu vào của sinh viên; điều kiện miễn học, miễn kiểm tra học phần ngoại ngữ; chuẩn đầu ra ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp đối với sinh viên đại học chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ là trình độ tối thiểu về ngoại ngữ mà sinh viên phải đạt được mới đủ điều kiện tốt nghiệp.

2. Tiếng Anh căn bản gồm các học phần Anh văn căn bản 1, Anh văn căn bản 2, Anh văn căn bản 3 trong chương trình đào tạo mà sinh viên phải tích lũy.

Điều 3. Kiểm tra trình độ ngoại ngữ đầu vào, miễn học, miễn kiểm tra, chuyển điểm

1. Kết quả kiểm tra tiếng Anh đầu vào (**Bảng 1**) được sử dụng làm căn cứ để chuyển điểm và tích lũy các học phần Anh văn căn bản (AVCB) cho sinh viên ngay trong học kỳ đầu tiên. Sinh viên được miễn đóng học phí các học phần Anh văn căn bản chuyển điểm (**Bảng 2**).

Bảng 1. Thang điểm bài kiểm tra tiếng Anh đầu vào

Số câu đúng	Điểm nghe	Điểm đọc	Số câu đúng	Điểm nghe	Điểm đọc	Số câu đúng	Điểm nghe	Điểm đọc	Số câu đúng	Điểm nghe	Điểm đọc
0	5	5									
1	5	5	26	110	65	51	255	220	76	410	370
2	5	5	27	115	70	52	260	225	77	420	380
3	5	5	28	120	80	53	270	230	78	425	385
4	5	5	29	125	85	54	275	235	79	430	390
5	5	5	30	130	90	55	280	240	80	440	395
6	5	5	31	135	95	56	290	250	81	445	400
7	10	5	32	140	100	57	295	255	82	450	405
8	15	5	33	145	110	58	300	260	83	460	410
9	20	5	34	150	115	59	310	265	84	465	415
10	25	5	35	160	120	60	315	270	85	470	420
11	30	5	36	165	125	61	320	280	86	475	425
12	35	5	37	170	130	62	325	285	87	480	430
13	40	5	38	175	140	63	330	290	88	485	435

Số câu đúng	Điểm nghe	Điểm đọc	Số câu đúng	Điểm nghe	Điểm đọc	Số câu đúng	Điểm nghe	Điểm đọc	Số câu đúng	Điểm nghe	Điểm đọc
14	45	5	39	180	145	64	340	300	89	490	445
15	50	5	40	185	150	65	345	305	90	495	450
16	55	10	41	190	160	66	350	310	91	495	455
17	60	15	42	195	165	67	360	320	92	495	465
18	65	20	43	200	170	68	365	325	93	495	470
19	70	25	44	210	175	69	370	330	94	495	480
20	75	30	45	215	180	70	380	335	95	495	485
21	80	35	46	220	190	71	385	340	96	495	490
22	85	40	47	230	195	72	390	350	97	495	495
23	90	45	48	240	200	73	395	355	98	495	495
24	95	50	49	245	210	74	400	360	99	495	495
25	100	60	50	250	215	75	405	365	100	495	495

Bảng 2. Chuyển điểm kiểm tra Tiếng Anh đầu vào

Điểm kiểm tra đầu vào (TOEIC)	Chuyển điểm		
	AVCB1	AVCB2	AVCB3
250 - 255	5		
260 - 265	5.5		
270 - 275	6		
280 - 285	6.5		
290 - 295	7		
300 - 305	7.5	5	
310 - 315	8	5.5	
320 - 325	8.5	6	
330 - 335	9	6.5	
340 - 345	9.5	7	
350 - 355	10	7.5	5.0
360 - 365	10	8	5.5
370 - 375	10	8.5	6.0
380 - 385	10	9	6.5
390 - 400	10	9.5	7.0
405 - 410	10	10	7.5
415 - 420	10	10	8.0
425 - 430	10	10	8.5
435 - 440	10	10	9.0
445 - 450	10	10	9.5
> 450	10	10	10

2. Sinh viên thuộc một trong các điều kiện sau không phải dự kiểm tra Tiếng Anh đầu vào, được chuyển đổi điểm, được tích lũy, được miễn đóng học phí các học phần Anh văn căn bản, như sau:

a) Sinh viên có các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (Bảng 3) còn hiệu lực tính đến thời điểm nộp đơn.

Bảng 3. Chuyển điểm các chứng chỉ quốc tế

TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	KET (A1)	PET (B1)	AVCB1	AVCB2	AVCB3
250	343	18	1.5	Pass	Pass	5		
260	353	20	2.0			5.5		
270	363	22				6		
280	373	24	2.5			6.5		
290	383	26				7		
300	393	29	3.0			7.5	5	
310	397	31		Pass with Merit	8	5.5		
320	400	33			8.5	6		
330	403	34			9	6.5		
340	407	35			9.5	7		
350	420	36	3.5	Pass with Distinction	10	7.5	5	
360	423	37			10	8	5.5	
370	427	38			10	8.5	6	
380	430	39			10	9	6.5	
390	433	40			10	9.5	7	
405	437	41	4.0		10	10	7.5	
415	440	42			10	10	8	
425	443	43			10	10	8.5	
435	447	44			10	10	9	
445	450	45			10	10	9.5	
> 450	> 450	>45	>4.0		10	10	10	

b) Sinh viên có một trong các chứng chỉ tiếng Anh quốc gia (**Bảng 4**) còn hiệu lực tính đến thời điểm viết đơn.

Bảng 4. Chuyển điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc gia

Chứng chỉ Anh văn quốc gia	Xếp loại	Các học phần Anh văn căn bản			
		Chuyển điểm	Điểm AVCB1	Điểm AVCB2	Điểm AVCB3
A	Trung bình	Anh văn căn bản 1	5		
	Khá		6		
	Giỏi		7		
B	Trung bình	Anh văn căn bản 1	8	6	
	Khá	Anh văn căn bản 2	9	7	
	Giỏi		10	8	
C	Trung bình	Anh văn căn bản 1	10	9	7
	Khá	Anh văn căn bản 2	10	10	8
	Giỏi	Anh văn căn bản 3	10	10	9
A2 (VSTEP)		Anh văn căn bản 1 Anh văn căn bản 2	8	6	
B1 (VSTEP)		Anh văn căn bản 1 Anh văn căn bản 2 Anh văn căn bản 3	10	10	10

3. Sinh viên không đạt kiểm tra tiếng Anh đầu vào phải đăng ký học các học phần Anh văn căn bản tương ứng.

4. Trong quá trình học tập, sinh viên có chứng chỉ quốc tế tương ứng được phép chuyển điểm học phần Anh văn căn bản tương ứng nhưng phải đóng học phí học phần đó.

5. Sinh viên được đăng ký học cải thiện các học phần Anh văn căn bản.

Điều 4. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

1. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ:

a) Sinh viên khóa 1: TOEIC 350 hoặc tương đương.

b) Sinh viên khóa 2 và khóa 3: TOEIC 400 hoặc tương đương.

c) Sinh viên từ khóa 4 trở đi: TOEIC 450 hoặc tương đương.

2. Sinh viên được công nhận đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ:

a) Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế hoặc chứng chỉ VSTEP còn hiệu lực (Bảng 5, Bảng 6) tính đến ngày xét công nhận tốt nghiệp.

Bảng 5. Chuẩn trình độ tiếng Anh

VSTEP	Chuẩn Châu Âu	IELTS	TOEIC	TOEFL PBT	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests
C2	C2	7.5+	910+	600+	250+	100+	45-59 CPE 80-100 CAE
C1	C1	7.0	850	577	236	95	60-79 CAE 80-100 FCE
		6.5		540	213	80	
B2	B2	6.0	600	527	197	71	60-79 FCE 80-100 PET
		5.5		480	173	61	
		5.0					
B1	B1	4.5	450	477	153	53	45-59 FCE
		4.0	400	450	126	42	65-79 PET 90-100 KET
A2	A2	3.5	350	340	96	31	45-64 PET
		3.0	300				70-89 KET
A1	A1	<3.0	<300	<340	<96	<31	45-69 KET

Bảng 6. Chuẩn trình độ ngoại ngữ tiếng: Pháp, Trung Quốc, Nga, Đức

Tiếng Anh	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Nga	Tiếng Đức
Bậc 6	DALF C2	HSK Cấp 6	TRKI -4	
Bậc 5	DALF C1	HSK Cấp 5	TRKI -3	
Bậc 4	DELFB2	HSK Cấp 4	TRKI -2	B2 TestDaF level 4
Bậc 3	DELFB1 TCF niveau 3	HSK Cấp 3	TRKI -1	B1 ZD
Bậc 2	DELFA2	HSK Cấp 2	TBU	
Bậc 1	DELFA1	HSK Cấp 1	TEU	

b) Có bằng cử nhân ngoại ngữ.

c) Đối với ngoại ngữ khác nếu có phát sinh sẽ do Hiệu trưởng xem xét.

Điều 5. Quy trình xin miễn thi, miễn học

1. Sinh viên thỏa mãn các điều kiện miễn học, miễn thi học phần ngoại ngữ như quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Quy định này: nộp đơn cho Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng kèm theo bản sao có công chứng và bản gốc để kiểm tra, đối chiếu (**Phụ lục 1**).

2. Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng phối hợp với các đơn vị có liên quan kiểm tra và trình Hiệu trưởng ra quyết định công nhận việc miễn học, miễn thi, chuyển đổi điểm học phần ngoại ngữ và công nhận chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho sinh viên.

Điều 6. Quy trình tổ chức kiểm tra tiếng Anh đầu vào

1. Trung tâm Ngoại ngữ

a) Chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí - KĐCL, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch kiểm tra.

b) Thành lập Hội đồng kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu vào, phân công nhiệm vụ của từng thành viên tham gia, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Phòng Đào tạo

a) Lập danh sách thí sinh theo phòng thi.

b) Mở lớp học phần Anh văn căn bản và đăng ký cho sinh viên được xét chuyển điểm.

3. Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng

a) Tổ chức chấm thi trên hệ thống phần mềm trắc nghiệm.

b) Xử lý chuyển điểm.

c) Công bố điểm kiểm tra tiếng Anh đầu vào.

4. Quản trị hệ thống Education hướng dẫn các đơn vị chức năng xử lý miễn học phí đối với học phần Anh văn căn bản được xét chuyển điểm.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Chính trị và Quản lý sinh viên, Trung tâm Ngoại ngữ, các Khoa và Cố vấn học tập phổ biến rộng rãi Quy định này đến toàn thể sinh viên.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị báo cáo Ban Giám hiệu (gửi văn bản cho phòng Đào tạo) để xem xét và giải quyết. /

HIỆU TRƯỞNG

Dương Thái Công